

TÒA ÁN NHÂN DÂN
THỊ XÃ SÔNG CẦU
TỈNH PHÚ YÊN

CỘNG HÒA XÃ HỘI CHỦ NGHĨA VIỆT NAM
Độc lập - Tự do - Hạnh phúc

Bản án số: 15/2025/HNGĐ-ST

Ngày: 11 – 4 – 2025.

V/v Ly hôn

NHÂN DANH
NƯỚC CỘNG HÒA XÃ HỘI CHỦ NGHĨA VIỆT NAM

TÒA ÁN NHÂN DÂN THỊ XÃ SÔNG CẦU, TỈNH PHÚ YÊN

- Thành phần Hội đồng xét xử sơ thẩm gồm có:

Thẩm phán - Chủ tọa phiên tòa: Bà Trần Thị Ngọc Hà.

Các Hội thẩm nhân dân:

- Ông Nguyễn Tấn Thành
- Ông Phạm Gắng .

- Thư ký phiên tòa: Ông Lê Văn Minh – **Thư ký** Tòa án nhân dân thị xã Sông Cầu, tỉnh Phú Yên.

- Đại diện Viện kiểm sát nhân dân thị xã Sông Cầu tham gia phiên tòa: Ông Trương Đức Cảnh - Kiểm sát viên.

Ngày 11 tháng 4 năm 2025, tại Trụ sở Tòa án nhân dân thị xã Sông Cầu, tỉnh Phú Yên xét xử sơ thẩm công khai vụ án hôn nhân gia đình thụ lý số: 19/2025/TLST-HNGĐ ngày 14 tháng 02 năm 2025 về việc “Ly hôn” theo Quyết định đưa vụ án ra xét xử số: 12/2025/QĐXXST- HNGĐ ngày 27 tháng 3 năm 2025, giữa các đương sự:

Nguyên đơn: Chị Nguyễn Thị T, sinh năm 1990. Nơi cư trú: thôn C, xã X, thị xã S, tỉnh Phú Yên.

Bị đơn: Anh Lưu Văn Q, sinh năm 1994; Nơi cư trú: Thôn C, xã X, thị xã S, tỉnh Phú Yên. Hiện đang chấp hành án tại Trại giam A, Đ, tỉnh Khánh Hòa. Địa chỉ: thôn T, xã D, huyện D, tỉnh Khánh Hòa.

Các đương sự đều vắng mặt, có yêu cầu xét xử vắng mặt.

NỘI DUNG VỤ ÁN:

**Theo đơn khởi kiện đề ngày 04/02/2025 và các tài liệu có tại hồ sơ vụ án, nguyên đơn chị Nguyễn Thị T trình bày:*

Về quan hệ hôn nhân: Chị T và anh Lưu Văn Q tự nguyện tìm hiểu, yêu thương và kết hôn với nhau tại UBND Phường X vào ngày 29/10/2018. Sau khi kết hôn, chị T và anh Q chung sống hạnh phúc được khoảng 3 năm thì phát sinh mâu thuẫn. Nguyên nhân do khi vợ chồng có con chung, vợ chồng thường xuyên cãi nhau do phân biệt con chung, con riêng. Ngoài ra, vợ chồng không có mâu thuẫn nào khác. Đến ngày 22/11/2023, chị T phát hiện anh Q có hành vi hiếp dâm con gái riêng của chị T (16 tuổi), anh Q tự thú và bị Toà án nhân dân tỉnh Phú Yên xử phạt 14 năm tù, đang chấp hành án tại trại giam A - Khánh Hòa. Nay, chị T không còn tình cảm với anh Q, không thể chấp nhận hành vi đồi bại của anh Q và không thể quay lại để tiếp tục sống chung với anh Q nên chị T yêu cầu ly hôn với anh Q.

Về con chung: Có 01 con chung tên Lưu Hồng T1, sinh ngày 05/5/2019, chị T yêu cầu nuôi cháu T1 và không yêu cầu anh Q cấp dưỡng nuôi con chung.

Về tài sản chung và nợ chung: Chị T không yêu cầu Toà án giải quyết.

Tại đơn khởi kiện trình bày khoản nợ Ngân hàng C – phòng giao dịch thị xã S số tiền 50.000.000đ (*Năm mươi triệu đồng*) nhưng khoản nợ này là nợ riêng của cá nhân chị T, chị T sẽ tự trả khi nợ đến hạn (tháng 4/2025) nên chị T không yêu cầu Toà án giải quyết.

Quá trình giải quyết vụ án, tại bản tự khai và đơn xin giải quyết vắng mặt, anh Lưu Văn Q trình bày:

Về quan hệ hôn nhân: Anh Q và chị T tự nguyện tìm hiểu, yêu thương và kết hôn với nhau tại UBND Phường X vào ngày 29/10/2018. Sau khi kết hôn, anh Q và chị T không phát sinh mâu thuẫn. Nay chị T yêu cầu ly hôn, anh Q đồng ý ly hôn với chị T.

Về con chung: Có 01 con chung tên Lưu Hồng T1, sinh ngày 05/5/2019, anh Q đồng ý giao con chung cho chị T nuôi dưỡng và anh Q không phải cấp dưỡng nuôi con chung.

Về tài sản chung và nợ chung: Anh Q không yêu cầu Toà án giải quyết.

Toà án tiến hành hoà giải nhưng không được.

Tại phiên toà:

Chị T và anh Q đều yêu cầu xét xử vắng mặt nên không có lời trình bày.

Đại diện Viện kiểm sát nhân dân thị xã Sông Cầu phát biểu ý kiến: Trong quá trình giải quyết vụ án: Về việc tuân theo pháp luật của Thẩm phán, Hội đồng xét xử, Thư ký đều thực hiện đúng các quy định của Bộ luật tố tụng dân sự. Các đương sự đều có yêu cầu xét xử vắng mặt; đề nghị Hội đồng xét xử (HĐXX) căn cứ Điều 227 và Điều 228 Bộ luật tố tụng dân sự xét xử vắng mặt các đương sự. Ý kiến về việc giải quyết vụ án: Đề nghị Hội đồng xét xử chấp nhận yêu cầu ly hôn của chị T đối với anh

Q. Về con chung: giao con chung Lưu Hồng T1, sinh ngày 05/5/2019 cho chị T trực tiếp nuôi dưỡng, anh Q không phải cấp dưỡng nuôi con chung. Về tài sản chung và nợ chung: không xem xét. Về án phí: Chị T phải chịu án phí HNGĐ sơ thẩm theo quy định của pháp luật.

NHẬN ĐỊNH CỦA TÒA ÁN:

Sau khi nghiên cứu các tài liệu có trong hồ sơ vụ án được thẩm tra tại phiên tòa, trên cơ sở xem xét đầy đủ, toàn diện các chứng cứ, Hội đồng xét xử (HĐXX) nhận định:

[1] Về thủ tục tố tụng: Chị Nguyễn Thị T yêu cầu ly hôn, giải quyết về con chung với anh Lưu Văn Q. Bị đơn anh Lưu Văn Q cư trú tại thôn C, xã X, thị xã S, tỉnh Phú Yên. Căn cứ khoản 1 Điều 28, Điều 35, Điều 39 Bộ luật tố tụng dân sự, vụ án thuộc thẩm quyền giải quyết của Tòa án nhân dân thị xã Sông Cầu, tỉnh Phú Yên.

Các đương sự đều yêu cầu xét xử vắng mặt, HĐXX căn cứ Điều 227 và Điều 228 Bộ luật tố tụng dân sự, tiến hành xét xử vụ án theo thủ tục chung.

[2] Về nội dung vụ án:

[2.1] Về quan hệ hôn nhân: Chị T và anh Q tự nguyện tìm hiểu, yêu thương và được UBND phường X, thị xã S, tỉnh Phú Yên cấp giấy chứng nhận kết hôn số 76/2018, ngày 29/10/2018 (BL 01), đây là hôn nhân hợp pháp.

HĐXX xét thấy: Quá trình giải quyết vụ án, chị T vẫn giữ nguyên yêu cầu ly hôn với anh Q và tại bản tự khai ngày 21/3/2025 (BL 29), anh Q đồng ý ly hôn với chị T. Do đó, HĐXX xét thấy mâu thuẫn giữa chị T và anh Q đã đến mức trầm trọng, mục đích hôn nhân không đạt được, đời sống chung không thể tiếp tục kéo dài nên chấp nhận yêu cầu ly hôn của chị T đối với anh Q.

[2.2] Về con chung: Có 01 con chung tên: Lưu Hồng T1, sinh ngày 05/5/2019. Chị T yêu cầu nuôi con chung và không yêu cầu anh Q cấp dưỡng nuôi con, anh Q đồng ý giao con chung cho chị T nuôi dưỡng. Do đó, HĐXX chấp nhận yêu cầu của chị T và ý kiến của anh Q.

[2.3] Về tài sản chung và nợ chung: Chị T và anh Q không yêu cầu Tòa án giải quyết nên HĐXX không xem xét.

Đối với khoản nợ của Ngân hàng C – phòng giao dịch thị xã S: Quá trình giải quyết vụ án, chị T và anh Q thống nhất không yêu cầu Tòa án giải quyết. Ngày 27/02/2025, Tòa án có công văn số 03/2025/TA về việc thông báo cho Ngân hàng C – phòng giao dịch thị xã S biết nhưng Ngân hàng C không phát sinh yêu cầu nên HĐXX không xem xét. Trường hợp Ngân hàng C phát sinh yêu cầu thì được quyền khởi kiện bằng vụ án khác.

[3] Về án phí: Chị T phải chịu án phí hôn nhân gia đình sơ thẩm theo quy định của pháp luật.

Vì các lẽ trên;

QUYẾT ĐỊNH:

Căn cứ các Điều 56, 81, 82, 83 và Điều 84 Luật hôn nhân và gia đình; Điều 28, 35, 39, 147, Điều 227 và Điều 228 Bộ luật tố tụng dân sự; điểm a khoản 5 Điều 27 Nghị quyết 326/2016/UBTVQH14 ngày 30/12/2016 của Ủy ban thường vụ Quốc hội quy định về mức thu, miễn, giảm, thu, nộp, quản lý và sử dụng án phí và lệ phí Tòa án.

Tuyên xử: Chấp nhận yêu cầu khởi kiện của nguyên đơn chị Nguyễn Thị T.

1. Về quan hệ hôn nhân: Chấp nhận yêu cầu ly hôn của chị Nguyễn Thị T đối với anh Lưu Văn Q.

2. Về con chung: Giao con chung Lưu Hồng T1, sinh ngày 05/5/2019 cho chị T trực tiếp trông nom, chăm sóc, nuôi dưỡng, giáo dục; anh Q không phải cấp dưỡng nuôi con chung.

Người không trực tiếp nuôi con có quyền, nghĩa vụ thăm nom con mà không ai được cản trở. Khi cần thiết các đương sự được quyền yêu cầu thay đổi người trực tiếp nuôi con và yêu cầu cấp dưỡng nuôi con.

3. Về tài sản chung và nợ chung: Không giải quyết.

4. Về án phí: Chị Nguyễn Thị T phải chịu 300.000đ (*Ba trăm nghìn đồng*) án phí hôn nhân gia đình sơ thẩm, trừ vào số tiền 300.000đ (*Ba trăm nghìn đồng*) tạm ứng án phí chị T nộp tại biên lai thu tạm ứng án phí, lệ phí Tòa án số 0000511 ngày 14/02/2025 của Chi cục thi hành án dân sự thị xã Sông Cầu, tỉnh Phú Yên.

Các đương sự có quyền kháng cáo bản án trong thời hạn 15 ngày bản án được tổng đạt hợp lệ hoặc niêm yết công khai.

*** Nơi nhận:**

- TAND tỉnh Phú Yên(1)
- VKSND TX. Sông Cầu (2)
- THADS TX. Sông Cầu (1)
- Các đương sự (2)
- UBND phường Xuân Đài, số 76/2018, ngày 29/10/2018)
- Lưu hồ sơ (2);
- Ân Văn (2).

**TM. HỘI ĐỒNG XÉT XỬ SƠ THẨM
THẨM PHÁN – CHỦ TOẠ PHIÊN TOÀ**

Trần Thị Ngọc Hà

